TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG NHÉ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/HS-ST
Ngày 18-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Uyên

Ông Vi Văn Thuy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 07/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 04/11/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên**: Trần Ngọc H** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1990 tại xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ dân cư số .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc C (sinh năm 1963) và bà Trần Thị Th (sinh năm 1966); Có vợ là Đỗ Thị Th (sinh năm 1990) và có 02 con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/5/2022 đến 02/6/2022, cấm đi khỏi nơi cư trú từ 02/6/2022 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Điêu Thị Th; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Anh Đặng Khánh D; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ …, xã M, huyện Mư, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

3. Chị Lù Bích Ng; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

4. Anh Lò Mai Ph; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh

Điện Biên, vắng mặt có lý do.

5. Anh Hoàng Ngọc Q; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

6. Anh Lê Thanh H; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

7. Anh Lưu Bá Th; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

8. Chị Đỗ Thị Th; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

9. Ông Lò Văn T; Sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

10. Bà Điêu Thị Ng; Sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 08/01/2020 đến 20/4/2022 Trần Ngọc H đã cho Điêu Thị Th, Lù Bích Ng, Lò Mai Ph, Đặng Khánh D, Hoàng Ngọc Q, Lê Thanh H, Lưu Bá Th vay tổng số tiền như sau:

1. Khoản vay của chị Điêu Thị Th: Ngày 15/3/2021 chị Điêu Thị Th, đến nhà H để vay số tiền 40.000.000 đồng. Do Th không có giấy tờ, tài sản gì để thế chấp nên bị can H không nhất trí cho Th vay, sau đó chị Th về nhà nhờ anh rể Lò Văn T, chị gái Điêu Thị Ng để đứng ra thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T, chị Ng để vay số tiền 40.000.000 đồng, việc này được anh T, chị Ng đồng ý. Cùng ngày chị Th, anh T, chị Ng mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nhà H để đặt vấn đề vay số tiền trên, H đồng ý cho vay và thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/ngày, trả tiền lãi theo tháng. Để đảm bảo cho việc trả tiền lãi suất và tiền gốc vay, H giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và viết 01 hợp đồng đặt cọc mua bán đất với anh T, chị Ng và 01 hợp đồng vay tiền rồi anh T, chị Ng cùng ký tên, điểm chỉ. Sau đó, H chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào số tài khoản 8906205018943 của chị Th. Lần đầu tiên trả lãi, chị Th và anh Lò Văn T đến nhà H trả tiền mặt số tiền 2.000.000 đồng lần tiếp theo chị Th cùng anh T đến nhà H trả số tiền 2.000.000 đồng, cả hai lần trả lãi bằng tiền mặt, hai bên không xác lập giấy tờ gì nên chị Th, anh T không nhớ rõ cụ thể thời gian. Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 22/12/2021 chị Th tiếp tục trả lãi cho H 03 lần với tổng số tiền là 23.500.000 đồng, chuyển khoản vào số tài khoản 0906205032235 của H. Cụ thể là ngày 30/8/2021 trả 11.500.000 đồng, ngày 16/10/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 22/12/2021 trả 7.000.000 đồng. Đến ngày 17/5/2022, chị Th đến nhà H trả lãi bằng tiền mặt số tiền 3.000.000 đồng

và hẹn đến ngày 24/5/2022 sẽ trả cho H số tiền lãi còn lại và tiền gốc. Ngày 24/5/2022, chị Th đã chuyển khoản vào số tài khoản nêu trên của H số tiền 33.000.000 đồng trong đó 23.000.000 đồng tiền lãi suất còn lại, và 10.00.000 đồng tiền gốc. Chị Th còn nợ lại H số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 15/3/2021 đến ngày 24/5/2022 (436 ngày), Trần Ngọc H đã cho Điêu Thị Th vay số tiền 40.000.000 đồng, thu tiền lãi của chị Th tổng cộng là 53.500.000 đồng, tương đương với lãi suất 111,97%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất (20%) được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,6 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 9.556.164 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 43.943.836 đồng.

2. Khoản vay của Đặng Khánh D: Ngày 08/01/2020 H cho anh Đặng Khánh D vay số tiền là 10.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng. Tính đến ngày 03/02/2021 Đặng Khánh D đã trả tiền lãi thông qua việc chuyển khoản vào số tài khoản 0906205032235 cho H tổng số tiền là 12.700.000 đồng, cụ thể là: Ngày 20/01/2020 trả 2.000.000 đồng, ngày 01/6/2020 trả 2.500.000 đồng, ngày 15/8/2020 trả 2.500.000 đồng, ngày 26/11/2020 trả tiền lãi 2.000.000 đồng ngày 03/2/2021 trả 3.700.000 đồng, sau đó thì H không lấy tiền lãi với D từ ngày 04/02/2021 đến ngày 07/3/2021 của khoản vay này.

Đến ngày 08/3/2021, D chuyển khoản trả tiền gốc cho H số tiền 5.000.000 đồng còn nợ lại 5.000.000 đồng với lãi suất như trên, từ ngày 08/3/2021 D đã trả lãi thông qua việc chuyển khoản vào số tài khoản 8906205032235 của H, cụ thể: Ngày 14/5/2021 trả 1.500.000 đồng, ngày 02/8/2021 trả 1.500.000 đồng, ngày 11/01/2022 trả 2.200.000 đồng, ngày 18/5/2022 trả 1.100.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay 10.000.000đ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 03/02/2021(392 ngày), tổng số tiền lãi H đã thu là 12.700.000 đồng, tương đương với lãi suất 118,25%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,91 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 2.147.945 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 10.552.055 đồng.

Đối với số tiền gốc còn lại 5.000.000 đồng, tính từ ngày 08/3/2021 đến ngày 18/5/2022 (436 ngày), tương đương với lãi suất 105,48%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,27 lần, tổng số tiền lãi H đã thu là 6.300.000 đồng, số tiền lãi H được thu theo quy định là 1.194.521 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 5.105.479 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H đã thu lời bất chính của D là 15.657.534 đồng.

Ngày 18/5/2022 D đã trả hết số tiền nợ gốc còn lại 5.000.000 đồng cho H.

Như vậy Trần Ngọc H đã cho Đặng Khánh D vay số tiền 10.000.000 đồng, đã thu tổng tiền lãi của anh D là 19.000.000 đồng, tương đương với lãi suất từ 105,48% đến 118,25%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất (20%) được quy định

trong Bộ luật Dân sự từ 5,27 đến 5,91 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 3.342.466 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 15.657.534 đồng.

3. Khoản vay của Lù Bích Ng: Hùng cho Lù Bích Ng vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/02/2022 H xác lập hợp đồng cho chị Lù Bích Ng vay số tiền là 15.000.000 đồng, với lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng. Chị Ng thế chấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004951, biển kiểm soát 27S1 - 052.87; 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Lù Bích Ng và viết 01 giấy bán (Cho, tặng) xe. Đến ngày 18/02/2022, chị Ng đã chuyển khoản trả tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 540.000 đồng vào số tài khoản 8906205032235 của H.

Từ ngày 07/02/2022 đến ngày 18/02/2022 (12 ngày), Trần Ngọc H đã thu tiền lãi của chị Ng là 540.000 đồng, tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 98.630 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 441.370 đồng.

Lần 2: Ngày 20/4/2022 Trần Ngọc H tiếp tục cho chị Lù Bích Ng vay số tiền là 10.000.000 đồng với mức lãi suất thoả thuận 3.000 đồng/1 triệu/ngày. Đến ngày 05/5/2022 chị Ng chuyển tiền vào số tài khoản 8906205032235 của H 10.000.000 đồng tiền gốc vay, 300.000 đồng tiền lãi và nợ tiền lãi là 150.000 đồng, sau đó chị Ng đã trả số tiền lãi còn nợ là 150.000 đồng.

Từ ngày 20/4/2022 đến ngày 05/5/2022 (15 ngày), Trần Ngọc H đã thu tiền lãi của chị Ng là 450.000 đồng, tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền Hùng thu lời bất chính là 367.808 đồng.

Như vậy Trần Ngọc H đã cho Lù Bích Ng vay số tiền 25.000.000 đồng. H đã thu tổng số tiền lãi của chị Ng là 990.000 đồng, tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất (20%) được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 180.822 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 809.178 đồng.

4. Khoản vay của Lò Mai Ph: H cho Lò Mai Ph vay cụ thể như sau:

Ngày 28/12/2021 H cho Lò Mai Ph vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng. Ph thế chấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 081390, biển kiểm soát 27B1 - 919.57 mang tên là Lò Mai Ph; viết 01 giấy bán (Cho, tặng) xe và cho Ph ký tên, điểm chỉ vào 01 hợp đồng thuê xe máy chưa điền thông tin. Đến ngày 10/02/2022, Ph trả tiền lãi bằng tiền mặt cho H là 1.300.000 đồng. Ngày 23/3/2022, Ph cùng vợ là Lò Thị Th đến nhà H để thế chấp lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 27001194, biển kiểm soát 27S1 - 095.10 mang tên Lò Thị Th để đổi lấy giấy tờ xe của Ph ra và viết 01 giấy bán (Cho, tặng) xe.

Ngày 10/3/2022, Ph chuyển khoản trả tiền lãi 900.000 đồng vào số tài khoản 8906205032235 của H, số tiền lãi các tháng tiếp theo do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Ph xin H không tính lãi suất và được H đồng ý. Ngày 21/7/2022, Ph đã trả hết số tiền nợ gốc cho H.

Như vậy, tính từ ngày 28/12/2021 đến ngày 10/3/2022 (73 ngày), Trần Ngọc H cho Lò Mai Ph vay số tiền 10.000.000 đồng, đã thu tiền lãi của anh Ph là 2.200.000 đồng, tương đương với lãi suất 110,00%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất (20%) được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,50 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 400.000 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 1.800.000 đồng.

5. Khoản vay của Hoàng Ngọc Q: H cho Hoàng Ngọc Q vay tiền như sau.

Ngày 22/4/2021 Q có vay của H số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 25/4/2021 Q vay thêm số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 03/5/2021 Q vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng; Ngày 27/5/2021, Q vay thêm số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền Q vay H là 100.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng /1 triệu/ ngày, tiền lãi trả theo tháng, tiền lãi được tính từ ngày 27/5/2021. Do Q và H là bạn bè chơi với nhau nên H không yêu cầu Q thế chấp tài sản hay giấy tờ gì mà chỉ xác lập hợp đồng vay tiền và có chữ ký, điểm chỉ của Q. Tất cả các lần vay H đều chuyển tiền vào số tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của Q là 450100003678381. Đến ngày 28/6/2021 Q chuyển khoản trả tiền lãi 9.000.000 đồng vào số tài khoản 8906205032235 của H, sau đó do Q đang đi học, khó khăn không có khả năng trả tiền lãi suất cho H nên Q xin H không tính lãi suất của khoản vay này, do bạn bè chơi thân với nhau nên H đồng ý không tính tiền lãi suất với Q của khoản vay trên từ ngày 28/6/2021 về sau.

Đến ngày 26/7/2021, Q tiếp tục vay thêm H số tiền 40.000.000 đồng, số tiền này H chuyển khoản vào tài khoản 8906205022890 của Q, tổng số tiền Q nợ H là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), khoản vay này H không tính tiền lãi suất. Ngày 30/7/2021, Q chuyển khoản trả tiền nợ gốc số tiền 140.000.000 đồng vào tài khoản 8906205032235 của H.

Như vậy, Đối với khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 27/5/2021 đến ngày 28/6/2021 (30 ngày), H đã thu tiền lãi của Hoàng Ngọc Q 9.000.000 đồng tương đương với mức lãi suất 109,50%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 1.643.836 đồng, số tiền H thu lời bất chính là 7.356.164 đồng.

6. Khoản vay của Lê Thanh H: Hùng cho Lê Thanh H vay các khoản tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/8/2021, H cho anh Lê Thanh H vay số tiền 3.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng /1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng. Tiền được chuyển tiền vào số tài khoản 8906215006101 của H.

Lần 2: Ngày 15/9/2021, H tiếp tục cho H vay số tiền là 20.000.000 đồng, H thế chấp 01chiếc xe Exciter màu xanh đen mang biển kiểm soát 27S1 - 276.81;

01giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023004 mang tên Lê Thanh H, sau đó H viết 01 giấy bán (Cho, tặng) xe đối với chiếc xe máy trên và yêu cầu H viết vào quyển sổ màu đen giấy mượn xe để cho H có xe đi lại và để hợp lí hóa thủ tục vay tiền thế chấp tài sản này. Tổng số tiền H vay H là 23.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng /1 triệu/ngày.

Ngày 20/11/2021, H chuyển tiền lãi cho 02 khoản vay trên với số tiền 4.500.000 đồng vào tài khoản 8906205032235 của H.

Lần 3: Ngày 30/12/2021, H cùng với vợ là Mào Thị D đến cửa hàng của H tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng và có thế chấp lại 07 chỉ vàng ta. Như vậy, tổng số tiền H vay tính đến ngày 30/12/2021 của H là 73.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng /1 triệu/ngày.

Các lần trả lãi cho các khoản vay này như sau: Ngày 22/01/2022 trả 12.150.000 đồng; Ngày 25/02/2022 trả 6.000.000 đồng; Ngày 28/3/2022 trả 6.200.000 đồng. Việc trả lãi trên thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản 8906205032235 của H. Riêng ngày 28/4/2022, H trả tiền lãi 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, trong đó 3.800.000 đồng chuyển khoản và 3.200.000 đồng tiền mặt. Sau lần cuối cùng trả tiền lãi vào ngày 28/4/2022 do H làm ăn thua lỗ không có tiền để trả lãi cho H nên xin H không tính tiền lãi lãi của tổng khoản vay 73.000.000 đồng và hẹn H sẽ trả số tiền nợ gốc vào cuối tháng 5/2022, được H đồng ý không tính tiền lãi suất nữa, sau đó thì H bị bắt. Ngày 14/7/2022 H đã trả hết số tiền vay 73.000.000 đồng cho H.

Như vậy, tổng số tiền lãi H thu của anh Lê Thanh H qua ba lần cho vay là 35.850.000 đồng, tổng số tiền lãi H được thu là 6.206.575 đồng, tổng số tiền H thu lời bất chính là 29.643.425 đồng, trong đó:

Đối với khoản vay 3.000.000 đồng tính từ ngày 03/8/2021 đến ngày 14/9/2021 (43 ngày), tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 70.685 đồng, thu lời bất chính là 316.315 đồng.

Đối với khoản vay 23.000.000 đồng từ ngày 15/9/2021 đến ngày 29/12/2021 (106 ngày), tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,48 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 1.335.890 đồng, thu lời bất chính là 5.978.110 đồng.

Đối với khoản vay 73.000.000 đồng từ ngày 30/12/2021 đến ngày 28/4/2022 (120 ngày), tương đương với lãi suất 117,29%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,86 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 4.800.000 đồng, thu lời bất chính là 23.349.000 đồng.

7. Khoản vay của Lưu Bá Th: H cho Lưu Bá Th vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2021 H cho Lưu Bá Th vay số tiền là 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng, tiền vay được

chuyển vào số tài khoản 8906215008579 của Th và được xác lập bằng hợp đồng vay tiền.

Lần 2: Đến ngày 14/10/2021, Th tiếp tục vay H số tiền 10.000.000 đồng, số tiền vay này được chuyển vào số tài khoản 8906205020105 của Vàng Thị Ch (vợ Lưu Bá Th). Tổng số tiền Th vay là 25.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng /1 triệu/ngày.

Ngày 26/10/2021, Th chuyển khoản trả tiền lãi với số tiền 2.500.000 đồng, vào số tài khoản 8906205032235 của H.

Lần 3: Ngày 18/11/2021, Th tiếp tục vay thêm H số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số tiền Th vay của H tính đến ngày 18/11/2021 là 40.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng /1 triệu/ngày.

Các lần trả lãi cho các khoản vay này như sau: Ngày 27/01/2022 trả 10.000.000 đồng; Ngày 18/5/2022 trả 13.000.000 đồng, việc trả lãi trên thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của H 8906205032235.

Ngày 18/5/2022 Lưu Bá Th đã trả hết số tiền vay 40.000.000 đồng cho H.

Như vậy, tổng số tiền lãi H thu của Lưu Bá Th của 03 khoản vay trên là 25.500.000 đồng, tổng số tiền lãi H được thu là 4.772.603 đồng, tổng số tiền H thu lời bất chính là 20.727.397 đồng, trong đó:

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng từ ngày 07/9/2021 đến ngày 13/10/2021 (37 ngày), tương đương với lãi suất 105,23%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,26 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 304.110 đồng, thu lời bất chính là 1.295.890 đồng.

Đối với khoản vay 25.000.000 đồng từ ngày 14/10/2021 đến ngày 17/11/2021 (35 ngày), tương đương với lãi xuất 104,29%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,21 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 479.452 đồng, thu lời bất chính là 2.020.548 đồng.

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 18/11/2021 đến ngày 18/5/2022 (182 ngày), tương đương với lãi suất 107,29%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,36 lần, số tiền lãi H được thu theo quy định là 3.989.041 đồng, thu lời bất chính là 17.410.959 đồng.

Như vậy, tổng số tiền H cho 07 người vay lấy tiền lãi suất vượt quá 05 lần lãi suất cho phép (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự từ 5,21 lần đến 5,91 lần, gồm: Điêu Thị Th, Lù Bích Ng, Lò Mai Ph, Đặng Khánh D, Hoàng Ngọc Q, Lê Thanh H, Lưu Bá Th là: 298.000.000 đồng, những người vay trên đã trả cho H số tiền gốc là 268.000.000 đồng. Đến nay còn chị Điêu Thị Th chưa trả tiền gốc vay 30.000.000 đồng cho H. Tổng số tiền lãi H thu được là 146.040.000 đồng. Tổng số tiền lãi H được hưởng theo quy định (Lãi suất trong 20%/năm) là 26.102.466 đồng. Tổng số tiền Trần Ngọc H thu lời bất chính là 119.937.534 đồng.

Ngoài ra Trần Ngọc H đã cho 10 người vay tiền gồm: Dương Thị Xuân Q, sinh năm 1991, trú tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay tổng số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất trên 20%/ năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự; Vi Văn Th, sinh năm 1972, trú tại: Tổ dân cư số.., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay số tiền 210.000.000đồng, thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất trên 20%/ năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự; Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân cư số…, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng không lấy lãi; Vàng A S, sinh năm 1984, trú tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay số tiền là 35.000.000 đồng, với lãi suất thoả thuận là 2.000đồng/1 triệu/ngày, tiền lãi trả theo tháng nhưng S chưa trả lãi và sau đó H không lấy lãi; Mào Văn D, sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân cư số .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tuy nhiên D chưa trả lãi và sau đó H không lấy lãi; Hoàng Đức C, sinh năm 1987, trú tại: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, vay số tiền là 15.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất trên 20%/ năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự và chưa trả lãi; Điêu Chính V, sinh năm 1998, trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay số tiền là 13.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất trên 20%/ năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự và chưa trả lãi; Ngô Văn N, sinh năm 1980, trú tại: Tổ Dân Cư Số .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay số tiền là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, tương đương với lãi suất trên 20%/ năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự và chưa trả lãi; Phạm Thị Việt Ch, sinh năm 1994, trú tại: Tổ Dân Cư Số .., xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên vay số tiền là 10.000.000 đồng, nhưng không lấy lãi; Phan Tất Đ, sinh năm 1981, trú tại bản Ph, xã N, huyện M vay số tiền 23.000.000 đồng nhưng H không lấy lãi.

- Kết luận giám định số: 730/KL-KTHS ngày 07/6/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

Chữ viết trên các tờ đánh số 1, 2, 3, 32, 33, 34 trong quyển sổ màu đỏ ký hiệu A3 và chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc H trên hợp đồng vay tiền đề ngày 03/4/2022 ký hiệu A1 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc H trên bản tự khai ký hiệu M1 *là do cùng một người viết, ký ra.*

Chữ viết, chữ ký đứng tên Điêu Thị Th trên hợp đồng vay tiền đề ngày 26/4/2022 ký hiệu A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Điêu Thị Th trên bản tự khai ký hiệu M2 *là do cùng một người viết, ký ra.*

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Khoản 1: 01 hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, Điêu Thị Ng, số tiền vay 62.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 03/4/2022 đến ngày 20/4/2022.

- Khoản 2: 01 tập hợp đồng cầm cố theo mẫu đánh sẵn gồm 38 tờ được đánh số từ 01 đến 38. Trong đó, từ tờ 1 đến tờ 13 đã gạch xóa, tờ 14 có nội dung cầm đồ của Lê Thanh Hải, tờ 15 đến tờ 38 chưa ghi nội dung gì.

- Khoản 3: 01 quyển sổ bìa màu đỏ gồm 34 tờ; trong đó, tờ 1, 2, 3, 32, 33, 34 có nội dung ghi nợ, nhiều nội dung đã gạch xóa, từ tờ 4 đến tờ 31 chưa ghi nội dung gì.

- Khoản 4: 01 quyển sổ bìa màu đen gồm 47 tờ được đánh số từ M1 đến 47, trong đó trang M1 có ghi nội dung Lê Thanh H mượn xe máy Biển kiểm soát: 27Z1 - 276.81 của Trần Ngọc H, các trang còn lại không có nội dung gì.

- Khoản 5: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lù Bích Ng, số tiền vay 15.000.000 đồng 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 06/02/2022 chủ xe là Lù Bích Ng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Biển kiểm soát 27S1 - 052.87 mang tên Lù Bích Ng; 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lù Bích Ng.

- Khoản 6: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Dương Thị Xuân Q, số tiền vay 20.000.000 đồng, 01 hợp đồng cầm đồ ngày 21/8/2021; 01chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Dương Thị Xuân Q; 01sổ bảo hiểm xã hội mang tên Dương Thị Xuân Q; 01 Quyết định về việc tuyển dụng giáo viên Mầm non số 704 ngày 14/3/2013 của UBND huyện Mường Nhé đối với Dương Thị Xuân Q.

- Khoản 7: 01 hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2020, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Đặng Khánh D, số tiền vay 10.000.000 đồng.

- Khoản 8: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Mào Văn D, số tiền vay 12.000.000 đồng; 01thẻ căn cước công dân mang tên Mào Văn D; 01 Quyết định về việc tuyển dụng giáo viên trung học phổ thông số 710 ngày 12/2/2019 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên đối với Mào Văn D.

- Khoản 9: 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Ngô Văn N, số tiền vay 20.000.000 đồng.

- Khoản 10: 01 hợp đồng vay tiền ngày 30/12/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lê Thanh H, số tiền vay 50.000.000 đồng.

- Khoản 11: 01 hợp đồng vay tiền ngày 06/01/2020, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Phạm Thị Việt Ch, số tiền vay 10.000.000 đồng.

- Khoản 12: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 25/10/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Phan Tất Đ, số tiền vay 23.000.000 đồng; 01

giấy mượn tiền ngày 10/12/2021 mang tên Phan Tất Đ, số tiền là 23.000.000 đồng.

- Khoản 13: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Mai Ph, số tiền vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13/4/2022; 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/12/2021, chủ xe là Lò Mai Ph, xe máy Biển kiểm soát 27B1 - 919.57; 01 hợp đồng thuê xe máy chưa ghi nội dung có chữ ký và điểm chỉ của Lò Mai Ph; 01 giấy bán, cho tặng xe và điểm chỉ của Lò Mai Ph; 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 23/3/2022, chủ xe là Lò Thị Th, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 095.10; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 095.10 mang tên Lò Thị Th.

- Khoản 14: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 06/5/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Hoàng Đức C, số tiền vay 15.000.000 đồng 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/12/2021, chủ xe là Hoàng Đức C, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 096.64; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 096.64 mang tên Hoàng Đức C.

- Khoản 15: 01 hợp đồng vay tiền ngày 21/02/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Điêu Thị Th, số tiền vay 5.000.000 đồng; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Điêu Thị Th.

- Khoản 16: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2021, bên chuyển nhượng Lò Văn T, Điêu Thị Ng, bên nhận chuyển nhượng Trần Ngọc H, thửa đất số 214 tờ bản đồ 105, địa chỉ: bản Nà Pán, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé; 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, không ghi số tiền vay; 01 hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Điêu Thị Th, số tiền vay 47.000.000 đồng; 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay chưa điền tên, có chữ ký bên vay Điêu Thị Th, không ghi số tiền vay; 01 hợp đồng đặt cọc mua đất không ghi ngày tháng năm, bên đặt cọc Trần Ngọc H, bên nhận cọc Lò Văn T, Điêu Thị Ng, số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng để mua đất số CP024932 tờ bản đồ số 105, diện tích 2105,4 m^2; 01 bản photo sổ hộ khẩu số 90 chủ hộ Lò Văn T; 02 bản photo giấy CMND mang tên Lò Văn T, Điêu Thị Ng.

- Khoản 17: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất số CP024932 thửa đất số 214 tờ bản đồ số 105, địa chỉ: bản Nà Pán, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé mang tên Lò Văn T, Điêu Thị Ng; 01 hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, Điêu Thị Ng, số tiền vay 62.000.000 đồng; 01 bản photo sổ hộ khẩu chủ hộ Đỗ Thị Th; 04 bản photo thẻ căn cước công dân mang tên Lò Văn T, Điêu Thị Ng, Trần Ngọc H, Đỗ Thị Th.

- Khoản 18: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/4/2022, chủ xe là Điêu Chính V, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 082.38; 01 chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 082.38 mang tên Điêu Chính V.

- Khoản 19: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 15/9/2021, chủ xe là Lê Thanh H, xe máy Biển kiểm soát: 27Z1 - 276.81; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Biểm kiểm soát 27Z1 - 0276.81 mang tên Lê Thanh H; 01 bản photo giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh H.

- Khoản 20: 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank, số thẻ 9704050924646768 mang tên Trần Ngọc H.

- Khoản 21: 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Vàng A S, số tiền vay 35.000.000 đồng; 01 giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp mang tên Vàng A S.

- Khoản 22: 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Vi Văn Th, số tiền vay 210.000.000 đồng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN616898 thửa đất số 263 tờ bản đồ số 158, địa chỉ: Bản Mường Toong 1, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé mang tên Khoàng Thị H; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Th; 01 giấy chứng minh sỹ quan mang tên Vi Văn Th.

- Khoản 23: 01 hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lưu Bá Th, số tiền vay 15.000.000 đồng; 01 hợp đồng vay tiền chưa điền thông tin, có chữ ký điểm chỉ của Lưu Bá Th.

- Khoản 24: 01 hợp đồng vay tiền ngày 27/6/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Hoàng Ngọc Q, số tiền vay 100.000.000 đồng.

- Khoản 25: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng, số máy NNQU2LL/A, số imei 355347085278972 của Trần Ngọc H, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0886.676.123.

- Khoản 26: 10.400.000 đồng.

- Ngày 17/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Mường Nhé đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: 07, trả lại số tiền 10.400.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Th và trả 01 thẻ ATM cho Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Nhé đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài sản, tài liệu số: 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 trả lại tài sản, giấy tờ cho chủ sở hữu của những người có liên quan đến vụ án gồm:

+ Bà: Lù Bích Ng gồm: 01 Giấy CMND mang tên Lù Bích Ng; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển kiểm soát: 27S1 - 052.87 mang tên Lù Bích Ng.

+ Bà: Dương Thị Xuân Q gồm: 01 Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Dương Thị Xuân Q; 01 Quyết định về việc tuyển dụng giáo viên Mầm non số 704 ngày 14/3/2013 của UBND huyện Mường Nhé đối với Dương Thị Xuân Q; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Dương Thị Xuân Q.

+ Ông: Mào Văn D gồm: 01 Quyết định tuyển dụng giáo viên THPT số 710 ngày 12/2/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên đối với Mào Văn D; 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Mào Văn D.

+ Ông: Hoàng Đức C gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát: 27S1 - 096.64 mang tên Hoàng Đức C; 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Đức C.

+ Bà: Lò Thị Th: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát: 27S1 - 095.10 mang tên Lò Thị Th.

+ Ông: Điêu Chính V: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát 27S1 - 082.38 mang tên Điêu Chính V.

+ Ông: Lê Thanh H gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát 27S1 - 276.81 mang tên Lê Thanh H.

+ Ông: Vàng A S gồm: 01 Giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp mang tên Vàng A S.

+ Ông: Vi Văn Th gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 616898, thửa đất số 263, tờ bản đồ số 158, địa chỉ: bản Mường Toong 1, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé mang tên Khoàng Thị H; 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Th; 01 Giấy chứng minh sỹ quan mang tên Vi Văn Th.

+ Ông: Lò Văn T gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 024932, thửa đất số 214, tờ bản đồ số 105, địa chỉ: bản Nà Pán, Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé mang tên Lò Văn T và Điêu Thị Ng; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Điêu Thị Ng.

+ Bà: Điêu Thị Th gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Điêu Thị Th.

Cáo trạng số 33/CT-VKS-MN ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Trần Ngọc H để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Áp dụng khoản 2, 3 điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 35; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách với bị cáo; Đề nghị xử phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với bị cáo; Căn cứ Điều 47, 48

BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc cho vay và số tiền lãi đã thu là 294.102.466 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, buộc chị Điêu Thị Th phải nộp lại số tiền vay 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, tịch thu 01 chiếc điện thoại di động iphone của bị cáo để sung ngân sách nhà nước, buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã tóm tắt ở trên và đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Th trình bày: Trong quá trình khám xét tại nhà, chị có bị cơ quan điều tra thu giữ, 10.400.000 đồng, hiện nay cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị, chị không có ý kiến gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Điêu Thị Th trình bày về khoản vay, lãi phải trả, thế chấp giấy tờ như tóm tắt ở trên. Chị đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Các lời khai trong hồ sơ vụ án đều thể hiện các món vay và lãi suất cũng như cầm cố, thế chấp giấy tờ như trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đầy đủ lời khai, ý kiến trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội và những căn cứ xác định tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai: Tổng số tiền gốc bị cáo Trần Ngọc H cho 07 người vay gồm Điêu Thị Th, Lù Bích Ng, Lò Mai Ph, Đặng Khánh D, Hoàng Ngọc Q, Lê Thanh H, Lưu Bá Th là 298.000.000 đồng với mức lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Hiện tại còn chị Điêu Thị Th còn nợ tiền gốc cho bị cáo H là 30.000.000 đồng. Số tiền gốc bị cáo H đã thu về là 268.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bị cáo thu được là 146.040.000 đồng.

Vậy với mức cho vay như trên là tương đương với lãi suất 104,29%/năm đến 118,25%/năm, số tiền lãi mà bị cáo thu về đã vượt quá 05 lần lãi suất cho phép (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự từ 5,21 lần đến 5,91 lần. Tổng số tiền lãi bị cáo H được hưởng theo quy định (Lãi suất 20%/năm) là 26.102.466 đồng. Tổng số tiền bị cáo H thu lời bất chính là 119.937.534 đồng.

Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người liên quan, phù hợp với kết luận điều tra, với cáo trạng truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ để xác định: Hành vi của bị cáo Trần Ngọc H đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 33/CT-VKS-MN ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố bị cáo để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án:

Đây là vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Ngọc H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự,quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo; Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận, xử phạt bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng… Xét thấy với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với chị Đỗ Thị Th là người viết một hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên đặt cọc là Trần Ngọc H và bên nhận

cọc là Lò Văn T nhưng Th không biết những nội dung thỏa thuận giữa H và T, ngoài ra việc H cho các khách hàng vay tiền Th không biết và tham gia nên không đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với Đỗ Thị Th.

[7] Về việc bị cáo H cho vay đối với: Dương Thị Xuân Q, Vi Văn Th, Hoàng Ngọc Q, Phạm Thị Việt Ch, Phan Tất Đ nhưng không lấy lãi; Vàng A Sì, Mào Văn D, Hoàng Đức C, Điêu Chính V; Ngô Văn N vay với mức lãi suất trên 20%/năm nhưng chưa gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nên chưa đủ căn cứ xử lý về hình sự đối với hành vi này của bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền lãi bị cáo thu lời bất chính của những người vay là 119.937.534 đồng. Đây là số tiền lãi bị cáo thu lời bất chính của những người vay nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự buộc bị cáo trả lại số tiền trên cho những nười vay.

Đối với số tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả lại cho bị cáo là 268.000.000 đồng, đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi bị cáo Hùng được hưởng theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 26.102.466 đồng . Tuy không tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng mà chị Điêu Thị Th chưa trả cho bị cáo, đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần buộc chị Th nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 10.400.000 đồng, quá trình điều tra đã làm rõ, số tiền này là tiền của chị Đỗ Thị Th, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Mường Nhé đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Đỗ Thị Th là đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng, số máy NNQU2LL/A, số imei 355347085278972 của Trần Ngọc H, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0886.676.123, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Nhé ra Quyết định xử lý đồ vật, tài sản, tài liệu số: 07, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 trả lại tài sản, giấy tờ cho chủ sở hữu của những người có liên quan đến vụ án gồm:

Chị Lù Bích Ng: 01 Giấy CMND mang tên Lù Bích Ng; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển kiểm soát: 27S1 - 052.87 mang tên Lù Bích Ng; Chị Dương Thị Xuân Q: 01 Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Dương Thị Xuân Q; 01 Quyết định về việc tuyển dụng giáo viên Mầm non số 704 ngày 14/3/2013 của UBND huyện Mường Nhé đối với Dương Thị Xuân Q; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Dương Thị Xuân Q; Anh Mào Văn D: 01 Quyết định tuyển dụng giáo viên THPT số 710 ngày 12/2/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên đối với Mào Văn D; 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Mào Văn D; Anh Hoàng Đức C: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát: 27S1 - 096.64 mang tên Hoàng Đức C; 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Đức C; Chị Lò Thị Th: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát: 27S1 - 095.10 mang tên Lò Thị Th; Anh Điêu Chính V: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát 27S1 - 082.38 mang tên Điêu Chính V; Anh Lê Thanh H: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, Biển kiểm soát 27S1 - 276.81 mang tên Lê Thanh H; Anh Vàng A S: 01 Giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp mang tên Vàng A S; Anh Vi Văn Th: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 616898, thửa đất số 263, tờ bản đồ số 158, địa chỉ: bản Mường Toong 1, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé mang tên Khoàng Thị H; 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Th; 01 Giấy chứng minh sỹ quan mang tên Vi Văn Th; Anh Lò Văn T: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 024932, thửa đất số 214, tờ bản đồ số 105, địa chỉ: bản Nà Pán, Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé mang tên Lò Văn T và Điêu Thị Ng; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Điêu Thị Ng; Chị Điêu Thị Th: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Điêu Thị Th; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank, số thẻ 9704050924646768 cho Trần Ngọc H.

Việc cơ quan Điều tra trả lại những vật chứng trên là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với các hợp đồng vay tiền với các cá nhân:

01 hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, Điêu Thị Ng; 01 tập hợp đồng cầm cố theo mẫu đánh sẵn gồm 38 tờ được đánh số từ 01 đến 38; 01 quyển sổ bìa màu đỏ gồm 34 tờ; 01 quyển sổ bìa màu đen gồm 47 tờ được đánh số từ M1 đến 47; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lù Bích Ng, 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 06/02/2022 chủ xe là Lù Bích Ng; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Dương Thị Xuân Q; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 21/8/2021; 01 hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2020, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Đặng Khánh D;

bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Mào Văn D; 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Ngô Văn N; 01 hợp đồng vay tiền ngày 30/12/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lê Thanh H; 01 hợp đồng vay tiền ngày 06/01/2020, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Phạm Thị Việt Ch; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 25/10/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Phan Tất Đ; 01 giấy mượn tiền ngày 10/12/2021 mang tên Phan Tất Đ; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Mai Ph; 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/12/2021, chủ xe là Lò Mai Ph, xe máy Biển kiểm soát 27B1 - 919.57; 01 hợp đồng thuê xe máy chưa ghi nội dung có chữ ký và điểm chỉ của Lò Mai Ph; 01 giấy bán, cho tặng xe và điểm chỉ của Lò Mai Ph; 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 23/3/2022, chủ xe là Lò Thị Th; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 06/5/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Hoàng Đức C, 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/12/2021; 01 hợp đồng vay tiền ngày 21/02/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Điêu Thị Th, số tiền vay 5.000.000 đồng 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2021, bên chuyển nhượng Lò Văn T, Điêu Thị Ng, bên nhận chuyển nhượng Trần Ngọc H, thửa đất số 214 tờ bản đồ 105, địa chỉ: bản Nà Pán, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé; 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, không ghi số tiền vay; 01 hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Điêu Thị Th, số tiền vay 47.000.000 đồng; 01 hợp đồng vay tiền không ghi ngày tháng năm, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay chưa điền tên, có chữ ký bên vay Điêu Thị Th, không ghi số tiền vay; 01 hợp đồng đặt cọc mua đất không ghi ngày tháng năm, bên đặt cọc Trần Ngọc H, bên nhận cọc Lò Văn T, Điêu Thị Ng, số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng để mua đất số CP024932 tờ bản đồ số 105, diện tích 2105,4 m^2; 01 hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lò Văn T, Điêu Thị Ng, số tiền vay 62.000.000 đồng; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 28/4/2022, chủ xe là Điêu Chính V, xe máy Biển kiểm soát: 27S1 - 082.38; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy bán, cho tặng xe ngày 15/9/2021, chủ xe là Lê Thanh H, xe máy Biển kiểm soát: 27Z1 - 276.81; 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Vàng A S; 01 bộ giấy tờ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Vi Văn Th; 01 hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2022, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Lưu Bá Th; 01 hợp đồng vay tiền chưa điền thông tin, có chữ ký điểm chỉ của Lưu Bá Th; 01 hợp đồng vay tiền ngày 27/6/2021, bên cho vay Trần Ngọc H, bên vay Hoàng Ngọc Q. Những tài liệu này được lưu vào hồ sơ vụ án làm tài liệu chứng cứ.

[9] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc bị cáo Trần Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Nhé, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, khoản 2 Điều 35, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

2.1 Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 01 (*Một*) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18/11/2022.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 268.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám triệu đồng*) và số tiền lãi đã thu 26.102.466 đồng (*Hai mươi sáu triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*), tổng cộng là 294.102.466 đồng (*Hai trăm chín mươi tư triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Buộc chị Điêu Thị Th nộp lại 30.000.000 đồng tiền vay *(Ba mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Trả lại cho chị Điêu Thị Th: 43.943.836 đồng (*Bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*).

Trả lại cho anh Đặng Khánh D: 15.657.534 đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).*

Trả lại cho chị Lù Bích Ng: 809.178 đồng *(Tám trăm linh chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).*

Trả lại cho anh Lò Mai Ph 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng).*

Trả lại cho anh Hoàng Ngọc Q: 7.356.164 đồng *(Bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).*

Trả lại cho anh Lê Thanh H: 29.643.425 đồng *(Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).*

Trả lại cho anh Lưu Bá Th: 20.727.397 đồng *(Hai mươi triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng, số máy NNQU2LL/A, số imei 355347085278972 của Trần Ngọc H, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0886.676.123.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2022 giữa Công an huyện Mường Nhé và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé.

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18.11.2022). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18.11.2022). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Nhé;
- Nhà tạm giữ, Cơ quan THAHS, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Nhé;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Những người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Phong